

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Minh Thư

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Phan Văn Hiếu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2020 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/4/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị S**, sinh năm 1988 (có mặt).

**2. Bị đơn:** **Anh Bùi Công H**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Đều trú tại thôn L, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:***

Chị kết hôn với anh Bùi Công H vào ngày 01 tháng 04 năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Đ), thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã T (nay là xã Đ) thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Tình cảm vợ chồng bình thường, đến tháng 6 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Bùi Công H không chung thủy, chị S khuyên bảo thì anh đập đánh, tháng 6/2020 vợ chồng sống ly thân. Nay chị xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Công H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Bùi Gia H, sinh ngày 15/3/2010; Bùi Đức A, sinh ngày 06/01/2012 và Bùi Ngọc Bảo C, sinh ngày 19/7/2016. Chị Nguyễn Thị S yêu cầu được trực tiếp nuôi 3 con chung, nếu anh Bùi Công H không nhất trí để chị nuôi 3 con chung thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Bùi Ngọc Bảo C, sinh ngày 19/7/2016 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai và các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Bùi Công H trình bày:***

Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị S trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị S ghen tuông, không tin tưởng chồng, anh cũng tự nhận thấy bản thân tính tình nóng nảy nên cư xử không đúng mực với vợ, anh mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Tại phiên tòa, anh nêu ý kiến: Nếu chị Nguyễn Thị S kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận yêu cầu của chị S.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị S trình bày. Nguyện vọng của anh không muốn chia rẽ các con, có nguyện vọng được nuôi cả ba con; không yêu cầu chị S phải dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Bùi Công H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2021 của các con Bùi Đức A và Bùi Gia H đều có nguyện vọng được ở với bố vì từ nhỏ đến nay các cháu đã quen ở với bố.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S với anh Bùi Công H.

+ Về con chung: Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, giao con chung Bùi Gia H, sinh ngày 15/3/2010 và Bùi Đức A, sinh ngày 06/01/2012 cho anh Bùi Công H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con Bùi Ngọc Bảo C, sinh ngày 19/7/2016 cho Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị S khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về nuôi con chung với anh Bùi Công H (trú tại: Thôn L, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà

Tỉnh). Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại dân xã Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Đ), thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H là hợp pháp. Theo lời khai của các đương sự và qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng chị S, anh H nhiều lần đánh đập nhau, từ tháng 06/2020 chị Nguyễn Thị S về nhà bố mẹ đẻ sinh sống còn nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ. Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chị Nguyễn Thị S yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp quy định tại điều 56 luật Hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

**[3] Về con chung:** Vợ chồng anh Bùi Công H và chị Nguyễn Thị S có 3 con chung như vợ chồng trình bày. Qua xác minh tại địa phương anh Bùi Công H làm nghề cho thuê rạp đám cưới, nhà có xe tải nhỏ thu nhập bình quân khoảng 6 triệu đồng/tháng; Chị Nguyễn Thị S làm nghề thợ may trong xã, thu nhập bình quân khoảng 4 triệu đồng/tháng. Xét thấy, vợ chồng có nghề nghiệp và thu nhập nhưng không thể giao cả 3 con cho vợ hoặc chồng trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập cho các con, thì cần giao cho chị S một con và anh H nuôi hai con. Xem xét độ tuổi, giới tính và nguyện vọng của các con thì cần giao cho chị S trực tiếp nuôi con gái Bùi Ngọc Bảo C, sinh ngày 19/7/2016; giao anh H trực tiếp nuôi con Bùi Gia H, sinh ngày 15/3/2010 và Bùi Đức A, sinh ngày 06/01/2012. Anh H và chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5]** Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

**[6] Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Xử:*

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Bùi Công H.

**2. Về con chung:** Giao con Bùi Ngọc Bảo C, sinh ngày 19/7/2016 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con Bùi Gia H, sinh ngày 15/3/2010 và Bùi Đức A, sinh ngày 06/01/2012 cho anh Bùi Công H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị S và anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/ 0001581 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Minh Thư**